

Đà Nẵng, ngày tháng 11 năm 2018

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
KHÓA 2016

(Kèm theo công văn số:/KGDTC ngàytháng năm 2018 của Trường khoa Khoa Giáo dục Thể chất)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
1	161C930003	Trương Thị	Hằng	22/01/1998		16A	5.8	C	7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
2	161C930008	Nguyễn Thị Mỹ	Linh			16A	5.5	C	5.9	C	7.0	B	2.33	Trung bình	
3	161C930010	Đào Thị Thu	Mai	02/4/1998		16A	6.2	C	6.1	C	6.0	C	2.00	Trung bình	
4	161C930012	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	21/8/1998		16A	5.5	C	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
5	161C930015	Nguyễn Thị	Tiến		Quảng Ngãi	16A	6.7	C	7.0	B	5.3	D	2.00	Trung bình	
6	161C930016	Nguyễn Thị Hà	Trang	09/6/1998		16A	3.4	F					Thiếu điểm	Không đạt	
7	161C930017	Ngô Thị	Trinh	29/3/1998		16A	5.8	C	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
8	161C930019	Nguyễn Thị Ngọc	Khuê	26/3/1998		16A	6.9	C	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
9	161C990003	Nguyễn Thị Phương	Hoa	08/10/1998		16B	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
10	161C990006	Trần Đặng Thanh	Sang	26/8/1998		16B	6.3	C	7.3	B	5.8	C	2.33	Trung bình	
11	161C990007	Ngô Thị Huyền	Trâm	07/12/1998		16B	7.0	B					Thiếu điểm	Không đạt	
12	161C990009	Phạm Thị Nguyễn	Anh	20/6/1998	Quảng Nam	16B							Thiếu điểm	Không đạt	
13	161C940002	Nguyễn Thị	Hiếu		Bình Định	16E	6.7	C	8.1	B	6.0	C	2.33	Trung bình	
14	161C940014	Cao Thị Minh	Anh	15/3/1998		16E	7.8	B	8.7	A	7.5	B	3.33	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
15	161C940015	Phạm Thị Nguyễn Anh	20/6/1998		16E	5.5	C	8.5	A	6.0	C	2.67	Khá	
16	161C900001	Trần Công Dân	26/4/1998		16I1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
17	161C900002	Nguyễn Hữu Dương	28/4/1998		16I1	5.6	C	0.0	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
18	161C900003	Bùi Huy Đức	25/02/1998		16I1	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.00	Không đạt	
19	161C900004	Nguyễn Trung Hiếu	24/9/1998		16I1	7.6	B	0.0	F	0.0	F	1.00	Không đạt	
20	161C900005	Trần Quốc Hiếu	02/8/1998		16I1	4.1	D					Thiếu điểm	Không đạt	
21	161C900007	Huỳnh Văn Hoàng	20/9/1998		16I1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
22	161C900008	Huỳnh Quang Huy	12/7/1998		16I1	6.3	C	0.0	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
23	161C900010	Nguyễn Xuân Huy	02/9/1998		16I1	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.00	Không đạt	
24	161C900011	Trần Quang Huy	01/8/1998		16I1	7.4	B	0.0	F	0.0	F	1.00	Không đạt	
25	161C900012	Đoàn Văn Long	01/11/1998		16I1	3.6	F	0.0	F	0.0	F	0.00	Không đạt	
26	161C900013	Trần Hữu Lộc	20/10/1998		16I1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
27	161C900014	Lê Văn Đức Lương	21/02/1998		16I1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
28	161C900015	Lê Đức Mạnh	10/11/1998		16I1	7.1	B	4.1	D	4.0	D	1.67	Không đạt	
29	161C900016	Hồ Văn Minh	30/11/1998		16I1	6.0	C	0.0	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
30	161C900017	Nguyễn Quốc Mỹ	20/02/1998		16I1	5.6	C	4.0	D	5.9	C	1.67	Không đạt	
31	161C900019	Lê Nhật Nguyên	16/01/1998		16I1	6.5	C	0.0	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
32	161C900020	Phạm Văn Nguyên	09/6/1998		16I1	5.6	C	4.4	D	5.8	C	1.67	Không đạt	
33	161C900021	Lê Thị Ánh Nguyệt	06/02/1998		16I1	5.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
34	161C900023	Hoàng Xuân Nhất	10/6/1998		16I1	6.6	C	4.7	D	4.5	D	1.33	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
35	161C900024	Phạm Bá	Nhuận	19/5/1998		16I1	3.1	F	0.0	F	0.0	F	0.00	Không đạt	
36	161C900025	Bùi Thị Cẩm	Nhung	05/8/1998		16I1	5.6	C	5.8	C	6.3	C	2.00	Trung bình	
37	161C900026	Nguyễn Hữu	Ninh	20/10/1998		16I1	6.9	C	4.7	D	5.8	C	1.67	Không đạt	
38	161C900027	Nguyễn Thị Kim	Oanh	25/8/1998		16I1	0.0	F	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
39	161C900028	Lê Minh	Phong	28/6/1998		16I1	5.5	C	4.0	D	5.5	C	1.67	Không đạt	
40	161C900030	Phạm Hoàng	Phước	01/01/1998		16I1	6.3	C	4.5	D	0.0	F	1.00	Không đạt	
41	161C900031	Phạm Văn	Quân	18/4/1998		16I1	6.8	C	2.4	F	4.9	D	1.00	Không đạt	
42	161C900032	Nguyễn Hồng	Son	27/9/1998		16I1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
43	161C900033	Nguyễn Giác	Tài	24/12/1998		16I1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
44	161C900034	Hoàng Phước	Tấn	27/3/1998		16I1	5.9	C	4.6	D	5.6	C	1.67	Không đạt	
45	161C900036	Trần Trọng Hoàng	Thành	15/10/1997		16I1	7.6	B	2.9	F	0.0	F	1.00	Không đạt	
46	161C900037	Nguyễn Đức	Thuận	07/8/1997		16I1	8.9	A	0.0	F	0.0	F	1.33	Không đạt	
47	161C900038	Nguyễn Trọng	Thức	30/6/1998		16I1	5.6	C	0.8	F	5.8	C	1.33	Không đạt	
48	161C900039	Thân Trọng	Trí	01/01/1998		16I1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
49	161C900040	Nguyễn Văn	Va	18/3/1998		16I1	6.8	C	4.6	D	4.7	D	1.33	Không đạt	
50	161C900042	Nguyễn	Vũ	30/10/1998		16I1	7.6	B	0.9	F	0.0	F	1.00	Không đạt	
51	161C900043	Phạm Hữu	Vũ	12/9/1998		16I1	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
52	161C900044	Ngô Long	Vương	07/4/1998		16I1	6.0	C	4.3	D	4.9	D	1.33	Không đạt	
53	161C900046	Lê Ngọc	Châu	07/10/1998		16I2	7.6	B	5.5	C	4.5	D	2.00	Trung bình	
54	161C900047	Nguyễn Mạnh	Cường	03/01/1998		16I2	6.8	C	4.8	D	6.0	C	1.67	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
55	161C900048	Tạ Tu	Duy	20/9/1998		16I2	6.4	C	0.0	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
56	161C900050	Phan Công	Hiền	08/9/1997		16I2	5.8	C	1.2	F	4.9	D	1.00	Không đạt	
57	161C900051	Bùi Anh	Hiệp	05/02/1998		16I2	6.8	C	7.1	B	2.7	F	1.67	Không đạt	
58	161C900053	Nguyễn Thanh	Hoài	08/3/1998		16I2	5.8	C	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
59	161C900055	Huỳnh Nguyên	Hoàng	16/10/1998		16I2	4.1	D	2.4	F	0.0	F	0.33	Không đạt	
60	161C900056	Lê Quang	Hợp	03/8/1998		16I2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
61	161C900057	Lê Hoàng	Huy	10/6/1998		16I2	5.5	C	0.0	F	0.9	F	0.67	Không đạt	
62	161C900058	Nguyễn Ngọc	Huy	16/01/1998		16I2	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
63	161C900059	Trương Bạch Thanh	Kha	19/11/1998		16I2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
64	161C900060	Nguyễn Văn	Kỳ	11/7/1998		16I2	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.00	Không đạt	
65	161C900062	Lê Xuân	Lộc	25/3/1998		16I2	6.0	C	1.8	F	4.0	D	1.00	Không đạt	
66	161C900063	Đoàn Minh	Lương	03/02/1998		16I2	7.8	B	5.8	C	1.2	F	1.67	Không đạt	
67	161C900066	Trần Ngọc	Nam	20/10/1998		16I2	6.0	C	6.1	C	4.8	D	1.67	Không đạt	
68	161C900067	Trần Hạnh	Nguyên	19/02/1998		16I2	6.8	C	5.6	C	5.6	C	2.00	Trung bình	
69	161C900068	Trương Thị Thanh	Nhi	10/3/1998		16I2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
70	161C900069	Huỳnh Quốc	Phong	04/4/1998		16I2	8.3	B	6.7	C	4.0	D	2.00	Trung bình	
71	161C900071	Nguyễn Văn	Phụng	04/5/1998		16I2	3.1	F			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
72	161C900072	Phạm Anh	Phước	29/8/1998		16I2	6.0	C	5.7	C	4.8	D	1.67	Không đạt	
73	161C900074	Lê Hữu	Thành	14/7/1998		16I2	5.8	C	5.6	C	4.8	D	1.67	Không đạt	
74	161C900075	Nguyễn Xuân	Thành	19/11/1997		16I2	0.0	F	0.8	F	0.0	F	0.00	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
75	161C900076	Thái Lê Nguyên	Thảo	24/8/1998		16I2	7.0	B	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
76	161C900077	Lý Quốc	Thắng	04/11/1998		16I2	6.0	C	5.3	D	4.0	D	1.33	Không đạt	
77	161C900080	Phan Quốc	Thịnh	16/6/1998		16I2	6.0	C	7.5	B	0.0	F	1.67	Không đạt	
78	161C900083	Nguyễn Đức	Trọng	06/01/1998		16I2	6.8	C	5.6	C	2.7	F	1.33	Không đạt	
79	161C900084	Văn Viết Hoàng	Trung	21/01/1998		16I2	3.1	F			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
80	161C900085	Nguyễn Lê	Tuấn	07/02/1998		16I2	6.0	C	5.6	C	4.1	D	1.67	Không đạt	
81	161C900087	Trần Lê Nguyễn	Vi	25/10/1998		16I2	6.5	C	0.4	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
82	161C900088	Võ Tuấn	Vĩ	01/5/1997		16I2	6.3	C	2.7	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
83	161C900090	Lâm Hồng	Vũ	15/11/1998		16I2	5.5	C	6.0	C	7.5	B	2.33	Trung bình	
84	161C900092	Trần Cảnh	Vũ	28/3/1994		16I2	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
85	161C900114	Trần Minh	An	23/8/1998	Quảng Nam	16SI-CLC	6.1	C	5.7	C	4.0	D	1.67	Không đạt	
86	161C900115	Lê Đình	Chinh	10/3/1996		16SI-CLC	7.6	B	7.6	B	6.6	C	2.67	Khá	
87	161C900116	Thân Quốc	Chung	24/11/1998	Quảng Trị	16SI-CLC	6.3	C	0.8	F	6.6	C	1.33	Không đạt	
88	161C900117	Lê Phạm Anh	Dũng	10/02/1998		16SI-CLC	3.4	F	9.2	A			Thiếu điểm	Không đạt	
89	161C900118	Lê Văn	Đại	24/02/1998		16SI-CLC	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
90	161C900119	Trương Văn	Điểm	07/02/1998		16SI-CLC	8.6	A	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
91	161C900120	Lê Ngọc	Đông	21/02/1998		16SI-CLC	2.9	F	8.6	A	6.1	C	2.00	Không đạt	
92	161C900123	Thân Văn	Hòa	29/10/1997	Quảng Nam	16SI-CLC	5.0	D	5.7	C	4.9	D	1.33	Không đạt	
93	161C900124	Nguyễn Đức	Hoàng	15/01/1998		16SI-CLC	5.5	C	0.8	F			Thiếu điểm	Không đạt	
94	161C900126	Trần Viết Đăng	Khoa	09/9/1998		16SI-CLC	0.0	F	2.3	F			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
95	161C900127	Tăng Văn	Kiều	19/02/1992		16SI-CLC	6.3	C	6.1	C	5.4	D	1.67	Không đạt	
96	161C900128	Trần Xuân	Kỳ	29/8/1998		16SI-CLC	5.6	C	2.1	F			Thiếu điểm	Không đạt	
97	161C900131	Nguyễn Nhật	Linh	14/11/1998		16SI-CLC	4.6	D	2.4	F			Thiếu điểm	Không đạt	
98	161C900133	Phan Mỹ	Linh	02/12/1998		16SI-CLC	8.4	B	7.4	B	6.3	C	2.67	Khá	
99	161C900135	Nguyễn Văn	Nam	13/11/1998		16SI-CLC	5.9	C	7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
100	161C900137	Lê Viết Minh	Phuong	10/9/1998		16SI-CLC	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
101	161C900138	Phạm Thị Đức	Phuong	20/10/1998		16SI-CLC	5.6	C	4.1	D			Thiếu điểm	Không đạt	
102	161C900140	Lê Đức	Tâm	10/3/1998		16SI-CLC	5.7	C	0.0	F	4.9	D	1.00	Không đạt	
103	161C900141	Phạm Hữu	Toàn	01/02/1997	Gia Lai	16SI-CLC	7.6	B	4.8	D	3.9	F	1.33	Không đạt	
104	161C900144	Phạm Văn	Trường	03/6/1998		16SI-CLC	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
105	161C900145	Nguyễn Thanh	Tùng	30/5/1998		16SI-CLC	6.0	C	6.2	C			Thiếu điểm	Không đạt	
106	161C900146	Trần Công	Tuyển	27/3/1998	Quảng Nam	16SI-CLC	6.8	C	6.7	C	5.0	D	1.67	Không đạt	
107	161C900147	Trần Ngọc	Viễn	04/3/1998	Quảng Nam	16SI-CLC	5.9	C	6.8	C	5.1	D	1.67	Không đạt	
108	161C900148	Nguyễn Văn	Việt	13/3/1997	Quảng Bình	16SI-CLC	5.6	C	4.7	D			Thiếu điểm	Không đạt	
109	161C900149	Nguyễn Khắc	Vũ	07/9/1998		16SI-CLC	6.5	C	3.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
110	161C900150	Phạm Sĩ	Cường	20/02/1998		16SI-CLC	6.2	C	8.1	B	6.2	C	2.33	Trung bình	
111	161C900150	Phạm Sỹ	Cường	20/02/1998	Đắk Nông	16SI-CLC							Thiếu điểm	Không đạt	
112	161C910012	Dương Thị Thùy	Linh	29/01/1998		16SI-CLC	6.5	C	6.1	C	7.1	B	2.33	Trung bình	
113	161C910014	Hà Ngọc	Minh	16/12/1998		16SI-CLC	3.0	F	0.8	F			Thiếu điểm	Không đạt	
114	161C900093	Đỗ Như	Bảo	23/8/1998		16SIT	2.8	F	6.3	C	0.0	F	0.67	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ			
115	161C900094	Nguyễn Trường	Chiến	26/5/1998		16SIT	5.6	C	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
116	161C900096	Ngô Khương	Duy	11/6/1998		16SIT	5.6	C	4.8	D	5.5	C	1.67	Không đạt	
117	161C900097	Blinh	Eo	21/10/1998		16SIT	5.6	C	4.1	D	6.7	C	1.67	Không đạt	
118	161C900098	Hoàng Văn	Hải	14/6/1998		16SIT	6.5	C	6.6	C	4.1	D	1.67	Không đạt	
119	161C900103	Nguyễn	Nam	15/3/1992		16SIT	0.0	F	6.0	C	0.0	F	0.67	Không đạt	
120	161C900105	Lữ Thị	Quý	20/5/1996		16SIT	7.6	B	2.7	F	5.8	C	1.67	Không đạt	
121	161C900106	Trương Đông	Tài	18/02/1998		16SIT	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
122	161C900108	Trịnh Viết	Thủy	31/3/1997		16SIT	8.0	B					Thiếu điểm	Không đạt	
123	161C900109	Nguyễn Văn	Thường	02/9/1998		16SIT	4.6	D	4.7	D	0.0	F	0.67	Không đạt	
124	161C900111	Dương Quang	Trường	13/8/1998		16SIT	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.00	Không đạt	
125	161C900112	Nguyễn Xuân	Trường	07/12/1998		16SIT	5.5	C	2.1	F	4.5	D	1.00	Không đạt	
126	161C900113	Nguyễn Quốc	Vũ	14/9/1998		16SIT	5.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
127	161C910001	Trương Thúy	Bích	06/3/1998		16SIT	5.7	C	6.4	C	6.5	C	2.00	Trung bình	
128	161C910003	Trần Thanh	Hà	14/9/1998		16SIT	6.2	C	7.3	B	7.0	B	2.67	Khá	
129	161C910004	Võ Duy	Hậu	30/4/1998		16SIT	2.8	F	8.4	B	5.8	C	1.67	Không đạt	
130	161C910006	Trương Văn	Linh		Quảng Nam	16SIT	7.6	B	6.1	C	6.2	C	2.33	Trung bình	
131	161C910007	Nguyễn Tiến	Tài	02/7/1998		16SIT	3.0	F	0.0	F	0.0	F	0.00	Không đạt	
132	161C910008	Phan Văn	Tiên	25/9/1998		16SIT	5.6	C	4.5	D	6.8	C	1.67	Không đạt	
133	161C950002	Lương Phan Gia	Huy	15/9/1998		16SIT	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
134	161C950003	Thái Gia Bảo	Huy	11/11/1998		16SIT	6.7	C	8.7	A	0.0	F	2.00	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần						Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ			
135	161C950004	Huỳnh Son	06/6/1997		16SIT	5.5	C	2.5	F	0.0	F	0.67	Không đạt	
136	161C950007	Lê Ngọc Anh Dũng	27/6/1998		16SIT	6.7	C	8.3	B	0.0	F	1.67	Không đạt	
137	161C950008	Nguyễn Hoàng Sinh	22/11/1998		16SIT	6.0	C	6.1	C	0.0	F	1.33	Không đạt	
138	161C950010	Đình Trần Gia Khánh	13/02/1998		16SIT	6.0	C	4.7	D	6.5	C	1.67	Không đạt	
139	161C950011	Huỳnh Kim Trung	24/8/1998		16SIT	6.1	C	0.0	F	0.0	F	0.67	Không đạt	

Tổng cộng: 139 sinh viên .

LẬP DANH SÁCH

TỔ TRƯỞNG TỔ ĐÀO TẠO, CTSV

Q. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Sương

Nguyễn Xuân Hiền

ThS. Võ Đình Hợp